TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/**2021/HS-ST
Ngày: 23/4/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Cường và bà Cái Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Hương Thủy, số 06 đường Đặng Tràm, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2021, đối với:

1. *Bị cáo* **Võ Văn H** (tên gọi khác: C), sinh ngày 28/3/1978 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn CC1, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con của ông Võ Văn Đ và bà Lê Thị H; có vợ: Văn Thị M H (là bị cáo trong vụ án này), con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án: Không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/9/2020, đến ngày 11/09/2020 chuyển qua tạm giam cho đến nay. Có mặt.

2. *Bị cáo* **Nguyễn Đức C**, sinh ngày 19/02/2000 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn HV, xã LB, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Nhân viên nhà nghỉ; Trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Nguyễn Đức L và bà (không rõ họ tên); vợ con: chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/09/2020, đến ngày 11/09/2020 chuyển qua tạm giam cho đến nay. Có mặt.

3. *Bị cáo* **Văn Thị M H**, sinh ngày 07/02/1979 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn CC1, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt

Nam; Con của ông Văn Đình T và bà Nguyễn Thị O; có chồng: Võ Văn H (là bị cáo trong vụ án này), con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án: Không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/11/2020 cho đến nay. Có mặt.

4. *Bị cáo* **Nguyễn T** (Tên gọi khác: N), sinh ngày 20/10/1981 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Số 10/2 Kiệt 257 đường BTX, phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con của ông Nguyễn Th (chết) và bà Võ Thị T; vợ: không có, con: có 01 con sinh năm 2013. Về nhân thân: Vào năm 2005, đã bị kết án 24 tháng tù về tội: Cố ý gây thương tích theo bản án số 42/2005/HSST ngày 22/3/2005 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Năm 2008, bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành C số tiền: 500.000 đồng, về hành vi Cố ý gây thương tích theo Quyết định số: 18384 ngày 19/6/2008, đã chấp hành xong; Vào năm 2019, bị Công an thành phố H xử phạt hành C số tiền: 750.000 đồng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số: 5484 ngày 21/02/2019, đã chấp hành xong. Tiền án: Không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/09/2020, đến ngày 11/09/2020 chuyển qua tạm giam; Ngày 19/10/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh cho đến nay. Có mặt.

5. *Bị cáo* **Hồ Trọng T** (Tên gọi khác: R), sinh ngày 30/4/1991 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Số 07/289 đường BTX, phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con của ông Hồ Văn T1 và con bà Nguyễn Thị D; Vợ con: chưa có. Về nhân thân: Vào năm 2008, đã bị kết án 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm, về tội: Cố ý gây thương tích, theo bản án số 145/2008/HSST-QĐ ngày 18/9/2008 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vào năm 2010, bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành C số tiền: 750.000 đồng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định số: 112096 ngày 01/10/2010, đã chấp hành xong. Tiền án: Có 01 tiền án, vào năm 2011 đã bị kết án 08 năm 06 tháng tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, theo bản án số 156/2011/HSPT ngày 15/11/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo của Bản án số 145/2008/HSST-QĐ ngày 18/9/2008 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 10 năm tù, hiện đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa xóa án tích; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/09/2020, đến ngày 11/09/2020 chuyển qua tạm giam cho đến nay. Có mặt.

6. *Bị cáo* **Lê Văn T1**, sinh ngày 23/9/1999 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Số 06/292 đường BTX, phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Trần Thị Thanh L; Vợ con: chưa có; tiền án: Không; tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/09/2020, đến ngày 11/09/2020 chuyển qua tạm giam cho đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông Hồ Xuân T2. Nơi cư trú: thôn BL, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Anh Trương Ngọc B, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn BL, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn BL, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Anh Phan V, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn BL, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Chị A Viết Thị Đ, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn A N, xã A N, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Ly L, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn BL, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

6. Anh Đoàn Văn L, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn VX, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

7. Chị Trần Thị P, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn VX, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

8. Anh Châu Bảo Th, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 38 đường NCT, phường PH, thành phố H. Vắng mặt.

9. Anh Võ Văn P1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 71 đường PĐP, thành phố H. Vắng mặt.

10. Anh D Đức P2, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn BL, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

11. Anh Nguyễn Văn Đ3, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 227 đường BTX, phường PĐ, thành phố H. Có mặt.

12. Chị Lê Thị H3, sinh năm 2001; Địa chỉ: Thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

13. Anh Lê Văn H4, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 10, khu vực 10, phường TX, thành phố H. Có mặt.

14. Anh Trần Công M, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn KS, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

15. Anh Lê Văn Thái D, sinh năm 1992; Địa chỉ: 15/20 đường TTDK, phường AC, thành phố H. Vắng mặt.

16. Anh Tống Viết H4, sinh năm 1995; Địa chỉ: 01/02 Kiệt 314 đường BTX, phường PĐ, thành phố H. Có mặt.

17. Anh Nguyễn Sỹ Đ, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 129 đường BTX, phường PĐ, thành phố H. Vắng mặt.

18. Anh Trương Ngọc Hoàng N, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn BL, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

19. Chị Nguyễn Thị Tiểu Q, sinh năm 1998; Địa chỉ: 23 CLV, phường T, thành phố H. Vắng mặt.

20. Chị Vũ Ngọc Linh C, sinh năm 1998; Địa chỉ: Phòng 103, Khu Chung cư BD, phường PH, thành phố H. Vắng mặt.

21. Chị Ngô Huỳnh Diễm A, sinh năm 1987; Địa chỉ: 63 đường PBC, phường PV, thành phố H. Vắng mặt.

22. Ông Nguyễn T, sinh năm 1948; Địa chỉ: Thôn CC1, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 02 giờ ngày 03/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy bắt quả tang tại nhà nghỉ TH, ở thôn CC1, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế gồm 24 đối tượng đang có hành vi tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy, đồng thời thu giữ toàn bộ vật chứng liên quan đến vụ án, cụ thể như sau:

Tại phòng không có số (gọi là phòng số 107), có 06 đối tượng gồm: Hồ Trọng T, Nguyễn T, Nguyễn Văn Đ3, D Đức P2, Lê Văn H4, Lê Thị H3.

Tại phòng số 110, có 10 đối tượng gồm: Trương Ngọc B, Nguyễn Thị Ly L, Phan V, Trần Thị P, Võ Văn P1, Đoàn Văn L, Nguyễn Văn H1, Châu Bảo Th, A Viết Thị Đ và Nguyễn Đức C.

Tại phòng số 109, có 08 đối tượng gồm: Vũ Ngọc Linh C, Tống Viết H4, Nguyễn Thị Tiểu Q, Lê Văn Thái K, Nguyễn Sỹ Đ, Ngô Q Diễm A, Trương Ngọc Hoàng N và Trần Công M.

Tiến hành thử nước tiểu, phát hiện có các đối tượng D tính với các chất ma túy đã thu giữ như sau: Phòng 107 có 06 đối tượng; phòng 110 có 08 đối tượng (phòng này có P1 và C âm tính với ma túy); phòng 109 có 05 đối tượng (phòng này K, Anh và Chi âm tính với ma túy); đồng thời qua xác M, các đối tượng đã sử dụng ma túy này đều không thuộc trường hợp nghiện hay đang cai nghiện ma túy.

Quá trình điều tra đã xác định: Nhà nghỉ TH thuộc quyền sở hữu và quản lý của vợ chồng bị cáo Võ Văn H và Văn Thị M H. Khoảng đầu năm 2020, do kinh doanh nhà nghỉ không có khách đến thuê phòng (do bệnh dịch Covid) nên Võ Văn H nảy sinh ý định cải tạo 05 phòng tại nhà nghỉ, gồm các phòng 106, 107, 108, 109, 110 làm các phòng "Bay" mục đích là để cho khách đến sử dụng ma túy, thu lợi; Sau đó Hồng bàn bạc việc này với Văn Thị M H thì H đồng ý. Các phòng "Bay" được vợ chồng H cải tạo nói trên đều được xây dựng có hệ thống cách âm và được lắp đặt các thiết bị phục vụ cho việc sử dụng ma túy như hệ thống loa, âm ly, đèn chớp. Sau khi cải tạo xong, vợ chồng H còn mua các vật dụng dùng để sử dụng ma túy như đĩa sứ, dầu nhị, máy lửa …để sẵn tại nhà nghỉ, các phòng bay nói trên để cho khách đến sử dụng. Vợ chồng H thống nhất giá cho thuê phòng "Bay", một lần, một phòng là từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng, khách đến thuê phòng là do Hồng trực tiếp giao dịch và bố trí phòng.

Để giúp cho mình trong việc quản lý các phòng bay nói trên nên khoảng đầu tháng 8/2020; vợ chồng Võ Văn H thuê Nguyễn Đức C vào làm việc tại nhà nghỉ và trả lương cho Cmột tháng 2.500.000 đồng. Nhiệm vụ của C được vợ chồng H phân công là khi có khách đến đặt phòng "Bay" để sử dụng ma túy thì C dẫn khách vào phòng, dọn dẹp phòng, bật nhạc, đèn chớp … và chuẩn bị các dụng cụ để cho khách sử dụng ma túy, sau đó thu tiền của khách nộp lại cho vợ chồng H.

Vào chiều tối ngày 02/09/2020, Võ Văn H đang ở tại nhà nghỉ một mình thì có khách liên lạc đặt phòng để sử dụng ma túy nên Hồng gọi điện thoại yêu cầu C về nhà nghỉ để phục vụ khách (C đang đi chơi); Còn Văn Thị M H thì gọi điện và nhắn cho C "C ơi coi lên đang có khách bay nơi phòng 8". C hiểu là có khách đến thuê phòng sử dụng ma túy tại nhà nghỉ nên liền về để chuẩn bị phòng, bật nhạc, đèn và đưa các dụng cụ dùng để sử dụng ma túy như đĩa, dầu nhị, bật lửa, ống hút … vào để sẵn tại các phòng cho khách sử dụng ma túy (phòng 107, 109, 110), rồi đứng chờ để dẫn khách vào các phòng phục vụ (C phục vụ cho 03 phòng nói trên).

Khoảng chiều tối ngày 02/9/2020 đến khi bị bắt quả tang, tại nhà nghỉ của mình, Võ Văn H đã cho các đối tượng thuê phòng để sử dụng ma túy như sau:

Phòng số 110: Trương Ngọc B và Nguyễn Văn H1 đến gặp H để thuê phòng sử dụng ma túy, B nói với H: "Cho 1.000.000 ma túy, gồm Lắc và Khay để sử dụng" . H đi ra ngoài thì gặp một thanh niên không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ, đang đi từ nhà nghỉ của mình ra nên hỏi mua ma túy và người này đã bán cho H 1.000.000 đồng các loại ma túy nói trên. Khi B ra hỏi Hồng ma túy đâu thì H chỉ ra trước khu vực nhà xe gần cổng nhà nghỉ lấy ma túy. B ra lấy ma túy đưa vào phòng 110 cùng H sử dụng; sau đó B gọi điện thoại cho V và Đ rủ đến nhà nghỉ TH ăn nhậu và sử dụng ma túy. V rủ L, L1, P, T, P1 đến phòng 110 nhà nghỉ TH. Trong khi Nguyễn Đức C đang phục vụ cho các đối tượng trên sử dụng ma túy thì bị bắt quả tang, Cơ quan điều tra đã thu giữ trong người của C 01 gói ni lông bên trong có chứa chất bột và mảnh vỡ viên nén màu vàng, bị cáo C khai nhận đây là ma túy loại Lắc, nguồn gốc ma túy này C nhặt được trước đó nên cất trong người, khi cần lấy ra sử dụng cho bản thân.

Phòng số 107: Hồ Trọng T và đối tượng tên N rủ nhau đến nhà nghỉ TH để sử dụng ma túy. Khi đến, T và N thấy tại phòng số 107 có các đối tượng tên B, T1, T2, Lê Văn H4, D Đức P2, Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn T, Lê Thị H3 đang sử dụng chất ma túy nên T, N vào cùng sử dụng. Đến khoảng 22 giờ 30 cùng ngày thì cả nhóm sử dụng hết ma túy nên các đối tượng B, T1, T2, N ra về. Lúc này, trong phòng số 107 chỉ còn lại T, T2, P, Đ, H, H3; T1 gọi Nguyễn Đức C vào dọn dẹp phòng, sau khi C đã dọn dẹp phòng sách sẽ thì mọi người tiếp tục ngồi ăn uống, nghe nhạc. Trong khi mọi người đang ăn uống thì T nảy sinh ý định mua ma túy về sử dụng nên nói với T1: "Mua nữa hộp năm và 02 con kẹo", T1 hiểu là mua ma túy nên liên lạc với một đối tượng tên "X" để hỏi mua ma túy theo yêu cầu của T thì được X báo giá là 3.600.000 đồng, T đồng ý và đưa tiền cho T1. T1 đi ra ngoài một lúc thì mang số ma túy nói trên vào phòng, sau đó T1 bỏ lên bàn và mọi người lấy sử dụng.

Phòng số 109: Trần Công M rủ Lê Văn T1 và Lê Văn Thái K đến nhà nghỉ TH để chơi, nghe nhạc; T1, K đồng ý nên M điện thoại cho Võ Văn H để đặt phòng. Trong lúc này thì T1 tự ý liên lạc với một đối tượng tên "H", mua 02 viên ma túy dạng thuốc Lắc và 01 túi ny lông bên trong chứa ma túy dạng khay, với giá 1.600.000 đồng, rồi cất giấu vào trong người nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì M, T1, K đến nhà nghỉ TH thì được Nguyễn Đức C ra dẫn vào phòng 109 mà C đã chuẩn bị trước đó. Tại phòng 109, T1 đưa số ma túy đã mua được nói trên để lên bàn và mọi người cùng sử dụng; thấy có ma túy nên M gọi điện rủ thêm bạn là H4, Đ, N, Q, Chi, A, đến nhà nghỉ TH để cùng nhau sử dụng ma túy. Đến khoảng 24 giờ cùng ngày, T1 ra về trước còn M, H4, Đ, K, N, Q, Chi và Anh ngồi lại tiếp tục sử dụng số ma túy còn lại của T1 cho đến khi bị bắt quả tang.

Qúa trình các đối tượng nói trên đến thuê phòng 107, 109, 110, để sử dụng ma túy thì Văn Thị M H đều biết nhưng sau đó thì đi ngủ. Đến 02 giờ ngày 03/9/2020, Cơ quan điều tra đã bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng liên quan đến vụ án.

Vật chứng Cơ quan điều tra đã thu giữ:

-Tại phòng số 107:

+ 01 (một) túi nilông chứa tinh thể rắn màu trắng thu trên dĩa sứ màu trắng được niêm phong ký hiệu A1;

+ 01 (một) túi nilông có chứa tinh thể rắn màu trắng thu giữ trên sàn nhà được niêm phong ký hiệu A2;

+ 01 (một) túi nilông có chứa một mảnh viên nén màu vàng thu giữ trên sàn nhà được niêm phong ký hiệu A3;

+ 01 (một) đĩa sứ màu trắng;

+ 01 (một) ống hút tự chế bằng tờ tiền Polime mệnh giá 20.000đồng;

+ 01 (một) thẻ nhựa màu xanh có ghi dòng chữ "L POINT";

+ 03 (một) bật lửa hiệu Viva lần lượt màu đỏ, màu xanh, màu tím nhạt;

+ 06 (sáu) chai dầu phật linh;

+ 01 (một) loa cây đứng màu đen, không rõ nhãn hiệu;

+ 01 (một) loa thùng màu đen, có chữ nhãn hiệu "Martin Audio";

+ 01 (một) đèn chớp hình cầu màu hồng đen, không rõ nhãn hiệu;

+ 01 (một) đèn chớp màu bạc, hiệu "SF-8386";

+ 01 (một) đèn chớp hình trụ tròn màu xám không rõ nhãn hiệu.

-Tại phòng 110:

+ 01 (một) túi giấy bên trong chứa chất bột màu trắng thu trên đĩa sứ màu trắng được niêm phong ký hiệu A4;

+ 01 (một) túi nilong bên trong chứa chất bột và mảnh vỡ viên nén màu vàng thu trong túi quần của Nguyễn Đức C được niêm phong ký hiệu A5;

+ 01 (một) đĩa sứ màu trắng;

+ 01 (một) thẻ nhựa màu xanh có ghi chữ "Mobifone 4G";

+ 01 (một) ống hút tự chế bằng tờ tiền Polime mệnh giá 10.000đồng;

+ 03 (ba) chai dầu phật linh;

+ 01 (một) bật lửa màu đỏ;

+ 01 (một) loa cây đứng màu đen, không rõ nhãn hiệu;

+ 01 (một) loa thùng màu nâu, không rõ nhãn hiệu;

+ 01 (một) đèn chớp hình trụ tròn màu trắng, không rõ nhãn hiệu;

+ 01 (một) đèn chớp màu đen, hiệu "MP-10D".

- Tại phòng 109:

+ 01 (một) túi nilong bên trong chứa 01 viên nén màu vàng cùng một túi nilong khác chứa tinh thể rắn màu trắng thu trên sàn nhà được niêm phong ký hiệu A8;

+ 01 (một) túi giấy bên trong chứa chất bột màu trắng thu trên đĩa sứ màu trắng được niêm phong ký hiệu A7;

+ 01 (một) túi nilong bên trong chứa chất bột màu trắng thu trong túi xách màu đen của Nguyễn Thị Tiểu Q được niêm phong ký hiệu A6;

+ 01 (một) đĩa sứ màu trắng;

+ 01 (một) thẻ nhựa ATM ngân hàng VPBank;

+ 01 (một) thẻ nhựa ATM ngân hàng Sacombank;

+ 01 (một) thẻ bảo hành bằng nhựa có ghi chữ Vietcom;

+ 01 (một) ống hút tự chế bằng tờ tiền Polime mệnh giá 10.000đồng;

+ 02 (hai) chai dầu phật linh;

+ 01 (một) bật lửa màu vàng;

+ 01 (một) loa cây đứng màu đen, không rõ nhãn hiệu;

+ 01 (một) loa thùng màu đen, không rõ nhãn hiệu;

+ 01 (một) đèn chớp hình trụ tròn màu trắng, không rõ nhãn hiệu;

+ 01 (một) đèn xoay màu đen, không rõ nhãn hiệu;

- Tạm giữ của bị cáo Võ Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung: Số IMEI: 357497081624519.

- Tạm giữ của bị cáo Văn Thị M H gồm: 01 (một) bộ amply màu đen, nhãn hiệu MA8500; 01 (một) bộ amply màu đen, nhãn hiệu MA3300; 01 (một) bộ amply màu đen, nhãn hiệu VNONE USA TECHNOLOGY; 01 (một) bộ amply màu đen, nhãn hiệu DSP3.1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số IMEI: 353280072389357.

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Đức C 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung; Số IMEI 1: 358860080160802 Số IMEI 2: 358861080160800.

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số IMEI: 356388104479935.

- Tạm giữ của bị cáo Hồ Trọng T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số IMEI: 358684094386413.

Tại bản kết luận giám định số: 556/GD ngày 09 tháng 09 năm 2020, của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:

Ma túy thu được tại phòng 107, gồm:

+ Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định có khối lượng là 0,4547g (không phẩy bốn trăm bốn bảygam) là ma túy, koại Ketamine.

+ Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định có khối lượng là 1,7926g (một phẩy bảy chín hai sáu gam) là ma túy, lại Ketamine.

+ Mảnh viên nén màu vàng trong bì niêm phong ký hiệu A3 gửi giám định có khối lượng là 0,3065g (không phẩy ba không sáu năm gam) là ma túy, loại MDMA.

Ma túy thu được tại phòng 110, gồm: Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu A4 gửi giám định có khối lượng là 0,3300g (không phẩy ba ba gam) là ma túy, loại Ketamine.

Ma túy thu được tại phòng 109, gồm:

+ Mẫu tinh thể rắn trắng trong phong bì niêm phong ký hiệu A7 gửi giám định có khối lượng là 0,1847g (không phẩy một tám bốn bảy gam) là ma túy, loại Ketamine.

+ Mẫu tinh thể rắn trắng trong phong bì niêm phong ký hiệu A8 gửi giám định có khối lượng là 2,0531g (hai phẩy không năm ba một gam) là ma túy, loại Ketamine;

+ Viên nén màu vàng (không rõ hình dạng) trong phong bì niêm phong ký hiệu A8 gửi giám định có khối lượng là 0,3960g (không phẩy ba chín sáu gam) là ma túy, loại MDMA.

Ma túy thu được của bị cáo Nguyễn Đức C, gồm: Các mảnh viên nén màu vàng và chất bột màu vàng trong bì niêm phong ký hiệu trắng ký hiệu A5 gửi giám định có tổng khối lượng là 0,1965 (không phẩy một chín sáu năm gam) là ma túy, loại MDMA.

Ma túy thu của Nguyễn Thị Tiểu Q, gồm: Mẫu tinh thể rắn trắng trong phong bì niêm phong ký hiệu A6 gửi giám định có khối lượng là 0,0516g (không phẩy không năm một sáu gam) là ma túy, loại Ketamine.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Võ Văn H không thành khẩn khai báo nhưng tại phiên tòa bị cáo Võ Văn H và các bị cáo Văn Thị M H, Nguyễn Đức C, Nguyễn T, Hồ Trọng T, Lê Văn T1 đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS-HTh ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo: Võ Văn H và Văn Thị M H về tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn T, Hồ Trọng T và Lê Văn T1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c, g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn Đức C về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm theo bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Võ Văn H, Văn Thị M H phạm tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Các bị cáo Nguyễn T, Hồ Trọng T và Lê Văn T1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý"; Bị cáo Nguyễn Đức C phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý". Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Văn H để xử phạt bị cáo từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Văn Thị M H để xử phạt bị cáo từ 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù; Áp dụng điểm c, g khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn T từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù; Áp dụng điểm c, g khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử

phạt bị cáo Lê Văn T1 từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù; Áp dụng điểm c, g khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Hồ Trọng T từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 và điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C từ 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" và từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", buộc chấp hành hình phạt chung của cả hai tội từ 05 năm tù đến 05 năm 09 tháng tù; Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung 50.000.000 đồng đối với bị cáo Võ Văn H, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo còn lại. Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ và các P1 tiện sử dụng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy không có giá trị sử dụng; Tịch thu các điện thoại, loa, đèn,…. mà các bị cáo sử dụng làm P1 tiện vào việc phạm tội. Trả lại điện thoại, đồ vật không liên quan đến việc phạm tội cho bị cáo T, bị cáo Tú và ông Hồ Xuân T2. Về án phí hình sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến trình bày của bị cáo Võ Văn H:* Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Ý kiến trình bày của các bị cáo Văn Thị M H, Nguyễn Đức C, Nguyễn T, Hồ Trọng T và Lê Văn T1*: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Xuân T2: Tại phiên tòa ông T2 vắng mặt nhưng tại Cơ quan điều tra ông T2 đề nghị xem xét trả lại các vật chứng mà Cơ quan điều tra đã thu giữ của ông T2 vì không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung theo quy định của pháp luật.

[2]. Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy thu thập trong hồ sơ đều có giá trị pháp lý.

[3]. Qua trình điều tra truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

[4]. Căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Vào khoảng thời gian từ chiều tối ngày 02/9/2020 đến 02 giờ ngày 03/9/2020, tại Nhà nghỉ TH, ở thôn CC1, xã Thuỷ Bằng, thị xã Hương Thuỷ, tỉnh Thừa Thiên Huế, các bị cáo Võ Văn H, Văn Thị M H và Nguyễn Đức C đã có hành vi tổ chức trong cùng một lúc cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy, loại MDMA và Ketamine thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương

Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế phát hiện bắt quả tang. Xét thấy hành vi điều hành việc chuẩn bị các phòng "Bay", P1 tiện, dụng cụ vào việc sử dụng trái phép chất ma túy cho nhiều người cùng một lúc, tại một địa điểm mà bị cáo Võ Văn H, Văn Thị M H và Nguyễn Đức C đã thực hiện là đủ yếu tố cấu thành tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, được quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo tổ chức cùng một lúc cho 24 người sử dụng trái phép chất ma túy nên đã phạm vào trường hợp "Đối với hai người trở lên" được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, trong khoảng thời gian và địa điểm như trên, các bị cáo Nguyễn Đức C, Nguyễn T, Hồ Trọng T, Lê Văn T1 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích để sử dụng; Cụ thể: Bị cáo Nguyễn T và Hồ Trọng T tàng trữ 2,2473g (hai phẩy hai bốn bảy ba gam) ma túy, loại Ketamine và 0,3064g (không phẩy ba không sáu bốn gam) ma túy loại MDMA; Bị cáo Lê Văn T1 tàng trữ 2,2378g (hai phẩy hai ba bảy tảm gam) ma túy loại Ketamine và 0,3960g (không phẩy ba chín sáu không gam) ma túy loại MDMA; Bị cáo Nguyễn Đức C tàng trữ 0,1965g (không phẩy một chín sáu năm gam) ma túy loại MDMA thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang và lập biên bản thu giữ toàn bộ vật chứng. Xét thấy hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mà các bị cáo Nguyễn Đức C, Nguyễn T, Hồ Trọng T, Lê Văn T1 đã thực hiện là đủ yếu tố cấu thành tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tội này được quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo Nguyễn Đức C tàng trữ để sử dụng 0,1965g ma túy loại MDMA nên đã phạm vào trường hợp được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn T, Hồ Trọng T và Lê Văn T1 tàng trữ để sử dụng cùng một lúc 02 loại ma túy là MDMA và Ketamine nên đã phạm vào trường hợp được quy định tại điểm c, g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã truy tố các bị cáo Võ Văn H, Văn Thị M H về tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn Đức C về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo Nguyễn T, Hồ Trọng T và Lê Văn T1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c, g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Các bị cáo Võ Văn H, Văn Thị M H, Nguyễn Đức C, Nguyễn T, Hồ Trọng T và Lê Văn T1 đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vẫn nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, vì các hoạt động liên quan đến ma túy phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép; Nhà nước cũng đã có nhiều chủ trương, biện pháp để phòng chống tệ nạn ma túy, các bị cáo biết nhưng cũng cố ý thực hiện hành vi tội phạm. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm để răn đe, giáo dục các bị cáo và ngăn ngừa chung.

[5]. Xét về tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo thì thấy rằng đây là vụ án có đồng phạm về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng mang tính chất giản đơn. Xét vai trò đồng phạm của từng bị cáo trong vụ án thì thấy rằng: Bị cáo Võ Văn H là người khởi xướng, cải tạo một số phòng của nhà nghỉ TH do mình quản lý thành phòng "Bay", lắp đặt các thiết bị, mua sắm các dụng cụ dùng

để sử dụng ma túy; trực tiếp quản lý, điều hành và phân công nhiệm vụ cho Nguyễn Đức C thực hiện tội phạm, do đó bị cáo Võ Văn H là người chịu trách nhiệm C trong vụ án này. Còn bị cáo Văn Thị M H biết các đối tượng đến thuê các phòng của nhà nghỉ TH dùng làm nơi sử dụng trái phép các chất ma túy nhưng không ngăn cản mà cùng chồng là Võ Văn H quản lý nhà nghỉ để cho các đối tượng vào sử dụng trái phép chất ma túy nên phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm giúp sức. Còn bị cáo Nguyễn Đức C biết các đối tượng đến thuê các phòng của nhà nghỉ TH dùng làm nơi để sử dụng trái phép chất ma túy nhưng vẫn thực hiện theo sự phân công, điều hành của bị cáo Võ Văn H nên phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm giúp sức.

Trong vụ án này, còn có các bị cáo Nguyễn Đức C, Nguyễn T, Hồ Trọng T, Lê Văn T1 đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích để sử dụng nên các bị cáo nói trên đều phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của các bị cáo là trái với quy định của pháp luật, đã gây ảnh hưởng đến T hình an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa P1.

Xét về nhân thân của bị cáo Nguyễn T và Hồ Trọng T thì thấy rằng các bị cáo có nhân thân xấu. Đối với bị cáo Nguyễn T vào năm 2005, đã bị kết án 24 tháng tù về tội: "Cố ý gây thương tích" theo bản án số 42/2005/HSST ngày 22/3/2005 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Năm 2008, bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành C số tiền: 500.000 đồng, về hành vi "Cố ý gây thương tích" theo Quyết định số: 18384 ngày 19/6/2008; Năm 2019, bị Công an thành phố H xử phạt hành C số tiền: 750.000 đồng, về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số: 5484 ngày 21/02/2019. Đối với bị cáo Hồ Trọng T vào năm 2008, đã bị kết án 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm, về tội: "Cố ý gây thương tích" theo bản án số 145/2008/HSST-QĐ ngày 18/9/2008 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Năm 2010, bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành C số tiền: 750.000 đồng, về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo Quyết định số: 112096 ngày 01/10/2010; Năm 2011 đã bị kết án 08 năm 06 tháng tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, theo bản án số 156/2011/HSPT ngày 15/11/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và tổng hợp hình phạt của Bản án số 145/2008/HSST-QĐ ngày 18/9/2008 buộc bị cáo Tú phải chấp hành hình phạt chung là 10 năm tù, hiện đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa xóa án tích. Còn các bị cáo Võ Văn H, Văn Thị M H, Lê Văn T1, Nguyễn Đức C có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6]. Xét về T tiết tăng nặng: Bị cáo Hồ Trọng T đã phạm vào T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Võ Văn H, Văn Thị M H, Lê Văn T1, Nguyễn Đức C, Nguyễn T đều không phạm vào các T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7]. Xét về T tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Võ Văn H, Văn Thị M H, Lê Văn T1, Nguyễn Đức C, Nguyễn T, Hồ Trọng T đều được hưởng các T tiết giảm nhẹ là "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Lê Văn T1 có ông nội được C phủ tặng kỷ niệm

chương "Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt, tù đầy" và là thương binh. Bị cáo Văn Thị M H có cha mẹ thuộc diện gia đình có công với cách mạng, là người thờ phụng liệt sĩ. Bị cáo Nguyễn T là lao động C trong gia đình, bản thân bị cáo bị bệnh hen suyễn nặng hiện đang điều trị. Bị cáo Nguyễn Đức C có hoàn cảnh mồ côi cha mẹ, từ nhỏ sống ở làng trẻ SOS, sau đó được bà cô nuôi dưỡng, nhận thức còn hạn chế nên các bị cáo được hưởng thêm T tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, nghĩ cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

Quan điểm của Kiểm sát viên là đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Văn H; Đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Văn Thị M H và Nguyễn Đức C về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; Đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn T, Lê Văn T1; Đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Hồ Trọng T là có căn cứ pháp luật. Về đề nghị xử phạt bổ sung đối với bị cáo Võ Văn H 50.000.000 đồng thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Võ Văn H đã đầu tư xây dựng cải tạo các phòng bay với mục đích kinh doanh thu lợi và cũng đã thu lợi bất C được một khoản tiền nên cần xử phạt bổ sung bị cáo Võ Văn H với số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ.

Căn cứ vào nhân thân và các T tiết giảm nhẹ của các bị cáo Văn Thị M H, Nguyễn Đức C, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo nhân thân tốt, có nhiều T tiết giảm nhẹ, đồng phạm với vai trò giúp sức mang tính chất thứ yếu, chồng của bị cáo Văn Thị M H là bị cáo trong vụ án này nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Văn Thị M H và Nguyễn Đức C về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là cũng đủ tác dụng để giáo dục và phòng ngừa chung.

[8]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ, gồm: 4,1328g ma túy các loại (đây là số ma túy đã thu giữ còn lại sau khi giám định). Xét thấy các loại ma túy này là chất độc hại nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 03 (ba) đĩa sứ màu trắng; 01 (một) thẻ nhựa màu xanh có ghi dòng chữ "L POINT"; 01 (một) thẻ nhựa màu xanh có ghi chữ "Mobifone 4G"; 01 (một) thẻ nhựa ATM ngân hàng VPBANK; 01 (một) thẻ nhựa ATM ngân hàng Sacombank; 01 (một) thẻ bảo hành bằng nhựa có ghi chữ Vietcom; 05 (năm) bật lửa (03 cái hiệu Viva, 01 màu đỏ, 01 màu vàng); 11 (mười một) chai dầu phật linh là các vật dụng mà các bị cáo phục vụ cho việc sử dụng trái phép chất ma túy, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) ống hút tự chế bằng tờ tiền Polime mệnh giá 20.000 đồng; 02 (Hai) ống hút tự chế bằng tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng, đây là tiền Việt Nam đồng còn giá trị thanh toán nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 03 (ba) loa cây đứng màu đen, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) loa thùng màu đen, có chữ nhãn hiệu "Martin Audio"; 01 (một) loa thùng màu đen, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) loa thùng màu nâu, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) đèn chớp hình cầu màu hồng đen, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) đèn chớp màu bạc, hiệu "SF-8386"; 01 (một)

đèn chớp hình trụ tròn màu xám không rõ nhãn hiệu; 01 (một) đèn chớp hình trụ tròn màu trắng, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) đèn chớp màu đen, hiệu "MP-10D"; 01 (một) đèn chớp hình trụ tròn màu trắng, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) đèn xoay màu đen, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) bộ amply màu đen, nhãn hiệu MA3300; 01 (một) bộ amply màu đen, nhãn hiệu VNONE USA TECHNOLOGY; 01 (một) bộ amply màu đen, nhãn hiệu DSP 3.1 là các thiết bị, P1 tiện mà bị cáo Võ Văn H, Văn Thị M H đã sử dụng vào việc phạm tội, hiện nay còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, hóa giá sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) bộ amply màu đen, nhãn hiệu MA8500 là của ông Hồ Xuân T2 cho bị cáo Võ Văn H mượn, ông T2 không biết việc bị cáo Võ Văn H sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho ông Hồ Xuân T2.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung: Số IMEI: 357497081624519 đã tạm giữ của bị cáo Võ Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số IMEI: 353280072389357 đã tạm giữ của bị cáo Văn Thị M H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung; Số IMEI 1: 358860080160802 Số IMEI 2: 358861080160800 đã tạm giữ của bị cáo Nguyễn Đức C, đây là P1 tiện mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước;

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số IMEI: 356388104479935 đã tạm giữ của bị cáo Nguyễn T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số IMEI: 358684094386413 đã tạm giữ của bị cáo Hồ Trọng T, các điện thoại di dộng này không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo T và Tú.

[9]. Về án phí: Buộc các bị cáo Võ Văn H, Văn Thị M H, Nguyễn Đức C, Nguyễn T, Hồ Trọng T, Lê Văn T1 mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Võ Văn H, Văn Thị M H và Nguyễn Đức C phạm tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý;

Các bị cáo Nguyễn Đức C, Nguyễn T, Hồ Trọng T, Lê Văn T1 phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma tuý.

- Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Võ Văn H 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, là ngày 04/9/2020.

Xử phạt bổ sung bị cáo Võ Văn H số tiền 50.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Văn Thị M H 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam, là ngày 19/11/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức C 04 (Bốn) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" và 01 (Một) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý". Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Đức C phải chấp hành là 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, là ngày 03/9/2020.

- Áp dụng điểm c, g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn T 01 (Một) năm 03 (tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian mà bị cáo đã bị bắt tạm giữ và tạm giam, là từ ngày 03/9/2020 đến ngày 19/10/2020.

- Áp dụng điểm c, g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Hồ Trọng T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, là ngày 03/9/2020.

- Áp dụng điểm c, g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T1 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, là ngày 04/9/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 và điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên xử:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ là 4,1328g (Bốn phẩy một ba hai tám gam) (Số ma túy còn lại sau khi giám định) được niêm phong bằng giấy trắng và băng keo trong, có 02 chữ ký của Điều tra viên và 02 chữ ký của Giám định viên, 02 dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Tịch thu tiêu hủy 03 (ba) đĩa sứ màu trắng; 01 (một) thẻ nhựa màu xanh có ghi dòng chữ "L POINT"; 01 (một) thẻ nhựa màu xanh có ghi chữ "Mobifone 4G"; 01 (một) thẻ nhựa ATM ngân hàng VPBANK; 01 (một) thẻ nhựa ATM ngân hàng Sacombank; 01 (một) thẻ bảo hành bằng nhựa có ghi chữ Vietcom; 05 (năm) bật lửa (03 cái hiệu Viva, 01 màu đỏ, 01 màu vàng) và 11 (mười một) chai dầu phật linh;

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) ống hút tự chế bằng tờ tiền Polime mệnh giá 20.000 đồng và 02 (Hai) ống hút tự chế bằng tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng;

- Tịch thu, hóa giá sung ngân sách Nhà nước gồm: 03 (ba) loa cây đứng màu đen, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) loa thùng màu đen, có chữ nhãn hiệu "Martin Audio"; 01 (một) loa thùng màu đen, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) loa thùng màu nâu, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) đèn chớp hình cầu màu hồng đen, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) đèn chớp màu bạc, hiệu "SF-8386"; 01 (một) đèn chớp hình trụ tròn màu xám không rõ nhãn hiệu; 01 (một) đèn chớp hình trụ tròn màu trắng, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) đèn chớp màu đen, hiệu "MP-10D"; 01 (một) đèn chớp hình trụ tròn màu trắng, không rõ nhãn

hiệu; 01 (một) đèn xoay màu đen, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) bộ amply màu đen, nhãn hiệu MA3300; 01 (một) bộ amply màu đen, nhãn hiệu VNONE USA TECHNOLOGY; 01 (một) bộ amply màu đen, nhãn hiệu DSP 3.1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung đã tạm giữ của bị cáo Võ Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã tạm giữ của bị cáo Văn Thị M H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung đã tạm giữ của bị cáo Nguyễn Đức C;

- Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã tạm giữ của bị cáo Nguyễn T cho bị cáo Nguyễn T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã tạm giữ của bị cáo Hồ Trọng T cho bị cáo Hồ Trọng T;

- Trả lại cho ông Hồ Xuân T2 01 (một) bộ amply màu đen, nhãn hiệu MA8500.

Tất cả các vật chứng nêu trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05 tháng 3 năm 2021, giữa Cơ quan Điều tra Công an thị xã Hương Thủy và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban TH3 vụ Quốc hội;

Buộc các bị cáo Võ Văn H, Văn Thị M H, Nguyễn Đức C, Nguyễn T, Hồ Trọng T và Lê Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hình sự sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND T.X. Hương Thuỷ;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan điều tra T.X. Hương Thuỷ;
- CQ THAHS T.X. Hương Thủy;
- CC THADS T.X. Hương Thuỷ;
- Phòng PC06 Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các bị cáo;
- NCQLNVLQ
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Phú